| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **92**/2024/HS-ST
Ngày: 24/9/2024.

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phạm Thị Kim Hoàng.

2. Ông Phạm Văn Phố.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Lê Anh - Kiểm sát Vên.

Trong ngày 24/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

- *Bị cáo:* **Trần Thị Thu T**; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 05/02/1965; Tại: Thành phố H; Nơi đăng ký thường trú: Số XX đường G, Phường Z, Quận X, Thành phố H; Chỗ ở: Số MN Đường L, phường A, quận B, Thành phố H; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Văn U (chết) và bà Trần Thị T (chết); Chồng là Phan Văn C, sinh năm 1958 và 01 người con sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự : Không có; Bị bắt tạm giữ ngày 07/01/2024, tạm giam ngày **S**/01/2024;

Nhân thân: Ngày 25/5/1998, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản công dân », chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/1999, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm vào tháng 8/2000.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Bà Thái Kim L , sinh năm: 1965.

Địa chỉ:  Số WW Đường Đ, Phường S, Quận X, Thành phố H. (có đơn xin vắng mặt)

2. Chị Bùi Thị Tường V, sinh năm: 2005.

Địa chỉ: Kế nhà số KK đường T, ấp A, xã V, huyện B, Thành phố H. (có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Lại Minh T, sinh năm: 1987.

Chỗ ở: Số AA đường H, phường Th, quận T, Thành phố H. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh B. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 40 phút ngày 31/12/2023, chị Thái Kim L  đang bán hàng tại cửa hàng Kim L – Số WW Đường Đ, Phường S, Quận X, Thành phố H thì Trần Thị Thu T điều khiển xe mô tô biển số 53V7-8304 đến hỏi mua một số đồ gia vị, đồng thời T nói quên mang theo điện thoại nên hỏi mượn điện thoại của chị L để gọi cho người nhà hỏi xem có lấy thêm hàng hay không, chị L đồng ý đưa điện thoại cho T mượn. Sau khi gọi xong, T trả lại điện thoại và để trên kệ còn chị L vẫn soạn đồ cho T, T nói chị L tính tiền hàng sẵn, đợi T đi công Vệc một lát sẽ quay lại thanh toán sau. Khi T đi khỏi cửa hàng thì chị L phát hiện bị mất điện thoại, chị L kiểm tra camera tại cửa hàng thì phát hiện khi chị L đang soạn hàng thì T đã dùng tay trái cầm tấm bìa carton che chiếc điện thoại lại rồi dùng tay phải lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên phải rồi điều khiển xe chạy thoát. T đã mang điện thoại hiệu Iphone Xr màu đỏ trộm cắp được của chị L đến Cửa hàng điện thoại di động Minh T – Số AB đường TC, phường TT, quận T bán cho anh Lại Minh T với giá 1.500.000 đồng. T đã sử dụng hết số tiền bán điện thoại.

Sau khi xảy ra sự Vệc, chị L đã đến Công an Phường S Quận X để trình báo và vụ Vệc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X điều tra, xử lý. Qua truy xét, Công an Quận X đã phát hiện Trần Thị Thu T tại số F Đường TC, Phường Q, quận T nên đã đưa T về trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X để làm rõ sự Vệc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành V trộm cắp tài sản như đã nêu trên. Ngoài ra, T còn khai nhận đã thực hiện một vụ trộm cắp tài sản khác tại quận TP, cụ thể như sau :

Vào khoảng 09 giờ 30 phút ngày 05/01/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 53V7-8304 đi ngang qua xe bán cà phê lưu động của chị Bùi Thị Tường V thuộc lô IV, 19, 20 Khu công nghiệp T1, phường T2, quận TP thì nhìn thấy chị V đang bán cà phê và để một điện thoại di động Iphone trên kệ để hàng nên nảy

sinh ý định trộm cắp. T đi lại gần chỗ để điện thoại và kêu chị V làm cà phê mang đi, trong quá trình chị V pha chế cà phê thì T đã cố ý làm đổ nguyên liệu của chị V để chị V phải dọn dẹp, lơ là Vệc quản lý tài sản. T lợi dụng lúc chị V đang dọn dẹp, pha chế thì T đã lén lút lấy điện thoại của chị V bỏ vào túi quần, rồi T nói với chị V trả trước tiền nước 100.000 đồng để đi công Vệc rồi sẽ quay lại lấy cà phê sau, xong T điều khiển xe máy để trốn thoát. Khi T đi đến số F Đường TC, Phường Q, quận T thì bị Công an Quận X phát hiện, kiểm tra, bắt giữ cùng với tang vật là chiếc điện thoại lấy trộm của chị V.

Tại Cơ quan điều tra, chị Bùi Thị Tường V xác định chiếc điện thoại bị T lấy trộm là điện thoại Iphone 11 Promax 64Gb đã sử dụng từ năm 2022. Trị giá khi mua là S.000.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận X: 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xr màu đỏ, dung lượng 64Gb, đã qua sử dụng có giá 3.100.000 đồng;

Theo Kết luận định giá tài sản số 474/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự quận TP: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xám 64Gb, đã qua sử dụng có giá 9.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 USB màu đen bên trong có chứa hình ảnh liên quan đến vụ trộm do chị Thái Kim L giao nộp;

- 01 điện thoại hiệu Iphone Xr màu đỏ, dung lượng 64Gb do anh Lại Minh T giao nộp;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 thu giữ của bị cáo;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu đen thu giữ của bị cáo;

- 01 đĩa CD trích xuất dữ liệu tại trung tâm quan sát hình ảnh quận TP;

- 01 bộ đồ thun, 01 áo khoác, 01 mũ bảo hiểm của bị cáo;

- 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 53V7-8304 là phương tiện bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành V trộm cắp.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Anh Lại Minh T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.500.000 đã mua điện thoại của bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 82/CT-VKS-Q6 ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Văn bản số 19/VKS(HS)-Q6 ngày 29/8/2024 về Vệc: Bảo vệ quan điểm truy tố, Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu T về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

***Tại phiên tòa***, bị cáo Trần Thị Thu T khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành V lấy trộm của bà Thái Thị Kim L 01 điện thoại Iphone Xr màu đỏ tại nhà số WW Đường Đ, Phường S, Quận X vào lúc khoảng 06 giờ ngày 31/12/2023 và lấy trộm của chị Bùi Thị Tường V 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro max màu xám đen tại lô IV, 19, 20 Khu công nghiệp T1, phường T2, quận TP vào lúc khoảng 09 giờ ngày 05/01/2024, hành V phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng nêu;

Đối với đặc điểm của chiếc điện thoại, bị cáo xác định điện thoại có màu xám đen. Khi bị bắt, bị cáo đang giữ điện thoại Iphone của chị V trong người, chưa kịp tiêu thụ nên bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan Công an, còn điện thoại của bị cáo là loại Nokia. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo cũng được nhận dạng lại chiếc điện thoại trộm cắp của chị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thị Thu T như bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành V phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trần Thị Thu T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Lưu vào hồ sơ 01 USB màu đen bên trong có chứa hình ảnh liên quan đến vụ trộm do chị Thái Kim L giao nộp và 01 đĩa CD trích xuất dữ liệu tại trung tâm quan sát hình ảnh quận TP;

- 01 điện thoại hiệu Iphone Xr màu đỏ, dung lượng 64Gb do anh Lại Minh T giao nộp, đã trả lại cho bị hại;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xám đen thu giữ của bị cáo, đã trả lại cho bị cáo;

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 do không liên quan đến hành V phạm tội của bị cáo;

- Tiêu hủy 01 bộ đồ thun, 01 áo khoác, 01 mũ bảo hiểm của bị cáo do không còn giá trị sử dụng;

- 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 53V7-8304 là phương tiện bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành V trộm cắp, do chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên giao cho Cơ quan thi hành án thông báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 01 năm, quá thời hạn đó mà không tìm được chủ sở hữu thì sung vào quỹ nhà nước;

- Tịch thu biển số 53V7-8304 giao cho Cơ quan Công an Quận X xử lý theo quy định.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Thị Thu T nhận thức được hành V của bị cáo là sai trái và V phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận. Hiện bị cáo đã lớn tuổi, nhiều bệnh tật nên xin Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa và về với gia đình dưỡng bệnh.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành V và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận X, Điều tra Vên, Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Kiểm sát Vên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành V, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành V, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Thị Thu T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Phù hợp với hình ảnh trích xuất từ camera về hành V của bị cáo tại hiện trường vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc khoảng 06 giờ ngày 31/12/2023, bị cáo đã lấy trộm của bà Thái Thị Kim L 01 điện thoại Iphone Xr màu đỏ trị giá 3.100.000 đồng, tại nhà số **WW** Đường **Đ**, Phường **S**, Quận X; Khoảng 09 giờ ngày 05/01/2024, bị cáo lấy trộm của chị Bùi Thị Tường V 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Pro max màu xám đen 64Gb trị giá 9.000.000 đồng, tại lô IV, 19, 20 Khu công nghiệp T1, phường T2, quận TP. Hành V của bị cáo là phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát nhân dân Quận X đã truy tố.

[3] Xét tính chất mức độ hành V phạm tội của bị cáo Trần Thị Thu T, hành V phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo Trần Thị Thu T là người có đủ khả năng nhận thức được hành V cũng như hậu quả do hành V của mình gây ra, nhưng do động cơ tư lợi cá nhân, tham lam tài sản của người khác; Bị cáo lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành V phạm tội; Bị cáo phạm tội 02 lần và có nhân thân xấu: Ngày 25/5/1998, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản công dân », chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/02/1999, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm vào tháng 8/2000.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành V phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa C. Cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo Trần Thị Thu T còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 USB màu đen bên trong có chứa hình ảnh liên quan đến vụ trộm do chị Thái Kim L giao nộp; 01 đĩa CD trích xuất dữ liệu tại trung tâm quan sát hình ảnh quận TP được lưu vào hồ sơ vụ án;

- 01 điện thoại hiệu Iphone Xr màu đỏ, dung lượng 64Gb do anh Lại Minh T giao nộp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xám đen thu giữ của bị cáo. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra ghi nhận đặc điểm của vật chứng trong vụ án chưa chính xác, cụ thể: Theo biên bản thu giữ vật chứng (BL25) xác định thu chiếc điện thoại bị cáo lấy trộm là Iphone 11 Promax màu đen. Tại Công văn đề nghị định giá tài sản; Kết quả định giá tài sản và Biên bản giao nhận vật chứng thì xác định tài sản định giá và giao trả là điện thoại Iphone 11 Promax màu xám.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã lấy trộm của bị hại Bùi Thị Tường V chiếc điện thoại Iphone màu xám đen;

Theo bản tự khai ngày 10/9/2024 của bị hại Bùi Thị Tường V tại Tòa án nhân dân Quận X, xác định: Bị hại đã được nhận lại đúng chiếc điện thoại bị mất trộm, có đặc điểm: Điện thoại Iphone 11 Promax 64Gb màu xám đen.

Do đó, điện thoại bị cáo lấy trộm của chị V và bị thu giữ chính xác là màu xám đen. Bị hại Bùi Thị Tường V trình bày, hiện điện thoại vẫn sử dụng bình thường, không bị hư hỏng, chị V không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 thu giữ của bị cáo, nhưng không liên quan đến hành V phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 ;

- 01 bộ đồ thun, 01 áo khoác, 01 mũ bảo hiểm của bị cáo, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 53V7-8304 là phương tiện bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành V trộm cắp, T khai mua của một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 5.200.000 đồng, không làm hợp đồng mua bán và giấy tờ xe đã mất.

Theo Kết luận giám định số 1846/KL-KTHS ngày 27/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố H, chiếc xe T sử dụng là biển số giả, xe đăng ký biển số là 93T7-9839, số khung: RMMWCH6MM81662547, số máy: VDP1P52F-MH662547, chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Kim C, địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện D, tỉnh B. Chị Kim C xác định: Chị mua chiếc xe nêu trên vào năm 2008, đến năm 2014 S đã bán lại cho một người không rõ lai lịch với giá 2.500.000 đồng, không làm hợp đồng mua bán, nên hiện chưa rõ chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của chiếc xe bị thu giữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao chiếc xe mô tô nêu trên cho Cơ quan Thi hành án thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 01 năm, nếu xác định được chủ sở hữu hợp pháp thì trả cho họ. Sau 01 năm, không xác định được ai là chủ sở hữu thì sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nếu có tranh chấp về quyền sở hữu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khi có yêu cầu.

- Tịch thu biển số xe 53V7-8304 gắn trên xe Honda Wave màu xanh của bị cáo giao cho Công an Quận X xử lý theo quy định của pháp luật.

*(Theo Biên bản về Vệc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự Quận X – BL 184).*

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Anh Lại Minh T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.500.000 đã mua điện thoại của bị cáo.

[7] Anh Lại Minh T mua điện thoại do bị cáo trộm cắp nhưng không biết đó là tài sản bị cáo phạm tội mà có; Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Lại Minh T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Bị cáo Trần Thị Thu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu T phạm tội: «Trộm cắp tài sản».

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T **01 (một) năm 06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/01/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại;

Anh Lại Minh T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.500.000 đã mua điện thoại của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

** Về xử lý vật chứng:*

- 01 USB màu đen bên trong có chứa hình ảnh liên quan đến vụ trộm do chị Thái Kim L giao nộp; 01 đĩa CD trích xuất dữ liệu tại trung tâm quan sát hình ảnh quận TP được lưu vào hồ sơ vụ án;

- 01 điện thoại hiệu Iphone Xr màu đỏ, dung lượng 64Gb do anh Lại Minh T giao nộp; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu xám đen thu giữ của bị cáo. Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị hại. Bị hại không có yêu cầu về Vệc bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 228 của Bộ luật dân sự năm 2015:

- 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 53V7-8304, số khung: RMMWCH6MM81662547, số máy: VDP1P52F-MH662547 giao cho Cơ quan Thi hành án thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 01 năm, nếu xác định được chủ sở hữu hợp pháp thì trả cho họ. Sau 01 năm, không xác định được ai là chủ sở hữu thì sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nếu có tranh chấp về quyền sở hữu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khi có yêu cầu.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017: Biển số xe biển số 53V7-8304 gắn trên xe Honda Wave màu xanh của bị cáo giao cho Công an Quận X xử lý theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ đồ thun, 01 áo khoác, 01 mũ bảo hiểm của bị cáo, không còn giá trị sử dụng.

*(Theo Biên bản về Vệc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự Quận X – BL 184).*

- Về án phí:

Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội :

Bị cáo Trần Thị Thu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND Quận X;
- Công an Quận X;
- TAND Tp. H
- Công an Tp. H;
- Trại tạm giam Chí Hòa (T30);
- Chi cục THADS Quận X;
- Sở Tư pháp Tp. H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Tú**